

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HSST

Ngày 13/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Trần Văn Phơ**.

2/ Ông: **Huỳnh Phước**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà **Trịnh Thị Ánh Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại đường Số 1 Khu dân cư 586 đường T, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 35/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với:

* *Bị cáo:* **Phạm Nhật T**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ổ-LK21-16 đường N12 Khu đô thị 5A, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Trịnh Kim A; Có vợ và 01 người con; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2017 cho đến nay; (có mặt).

* *Người bị hại:* Bà **Lâm Thị N**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Số 49 đường số 1, Khu dân cư T, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1994; Nơi thường trú: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 230 đường T, Khóm 5, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2/. Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số 62 đường N, Khóm 2, Phường 4, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Nhật T bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 01/12/2016, bà Lâm Thị N là chủ tiệm Internet T tại địa chỉ Số 49 đường số 1 Khu dân cư T, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng dẫn xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ-đen, loại SH MODE biển số 83P2-06300 của bà N từ trong nhà ra dựng trên hành lang trước nhà và để chìa khóa xe trong ổ khóa. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Phạm Nhật T một mình đi xe ôm đến tiệm Internet của bà N để lên mạng chơi game và đọc báo. Khi đến tiệm Internet, T đi thẳng vào vị trí máy số 8 rồi mở máy tính để đọc báo, lúc này có người gọi điện thoại cho T, nên T đi ra trước cửa tiệm Internet để nghe điện thoại, khi đứng trước tiệm nghe điện thoại, T nhìn thấy xe bà N đang dựng trước hành lang, quan sát không thấy ai trông coi nên T lén lút lấy trộm xe của bà N chạy đi. Bà N ở nhà sau đi ra nhà trước phát hiện xe bị mất nên đã đến công an Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trình báo. Còn T sau khi lấy được xe đã chạy đến nhà Lê Thanh T tại Số 62 đường N, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để cầm trù nợ cho T với số tiền là 40.000.000đ, T nói xe bạn của T cho mượn. T trừ số tiền 32.000.000đ, mà T đã nợ T trước đó, còn lại 8.000.000đ đưa cho T, T lấy tiêu xài cá nhân hết. Sau một thời gian T không chuộc xe lại và không đóng lãi cho T, nên T nói với T là T lấy chiếc xe sử dụng thì T đồng ý. T làm giấy mua bán và đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng làm thủ tục đăng ký sang tên, ngày 16/3/2017 Phòng cảnh sát giao thông phát hiện xe mà T đăng ký là xe của bà N bị mất trộm nên tạm giữ xe và chuyển sang Cơ quan cảnh sát điều tra - công an thành phố S xử lý. Trong quá trình điều tra làm rõ, triệu tập Phạm Nhật T đến làm việc thì T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL.ĐGTS ngày 18/3/2017 của của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng kết luận: Một chiếc

xe mô tô biển số 83P2-063.00, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen, số loại SH MODE, số khung 07DY070004, số máy 51E0070045, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 80%, với số tiền là: $01 \times 50.990.000đ \times 80\% = 40.792.000đ$.

Tại Cáo trạng số 41/QĐ-KSĐT ngày 30/5/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Phạm Nhật T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Nhật T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Nhưng nay tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền sửa xe là 3.500.000đ và bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại như sau:

Bị cáo Phạm Nhật T bồi thường cho người bị hại bà Lâm Thị N số tiền là 3.500.000đ.

Tại phiên tòa, người bị hại bà Lâm Thị N thừa nhận trong quá trình điều tra bà đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Nay bà yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền sửa xe là 3.500.000đ. Về trách nhiệm hình sự bà yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ thừa nhận xe mô tô biển số 83P2-063.00, nhãn hiệu SH MODE do bà Lâm Thị N là mẹ chồng của bà bỏ tiền mua và mượn bà đứng tên giấy đăng ký xe dùm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản ghi lời khai thì ông thừa nhận có cầm xe mô tô biển số 83P2-063.00, nhãn hiệu SH MODE của bị cáo T đem đến để khấu trừ số tiền mà bị cáo thiếu ông, nhưng khi cầm xe mô tô thì ông không biết xe do bị cáo lấy

trộm. Nay ông đã giao nộp xe mô tô cho cơ quan Điều tra và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nhật T thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai cho bị cáo. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền sửa xe cho người bị hại là 3.500.000đ và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt giữa bị cáo với người bị hại tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 191 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nhật T đã khai nhận:

Vào khoảng 11 giờ ngày 01/12/2016, bị cáo một mình đi xe ôm đến tiệm Internet tại Số 49 đường số 1, Khu dân cư T, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để chơi game, khi bị cáo đứng trước tiệm Internet để nghe điện thoại thì nhìn thấy xe mô tô chìa khóa còn cắm trong ổ khóa xe đang dựng trước hành lang, quan sát không thấy ai trông coi nên bị cáo lén lút lấy trộm xe rồi chạy đi. Sau đó, bị cáo chạy xe đến nhà của Lê Thanh T tại Số 62 đường N, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để cầm trừ nợ cho T với số tiền là 40.000.000 đồng, T trừ số tiền 32.000.000 đồng mà bị cáo đã nợ T trước đó, còn lại 8.000.000 đồng bị cáo lấy tiêu xài cá nhân hết. Khi công an mời làm việc thì bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và biên bản khám nghiệm hiện trường cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Phạm Nhật T đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm được 01 xe mô tô biển số 83P2-063.00, màu đỏ-đen, nhãn hiệu SH MODE, qua định giá có giá trị là 40.792.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Phạm Nhật T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy,

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản đã kịp thời thu hồi trả cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha ruột của bị cáo ông Phạm Văn T là người có công với nước. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Lê Thanh T là người cầm xe mô tô của bị cáo để trừ nợ nhưng ông không biết xe do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền sửa xe là 3.500.000 đồng, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

Xét sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận tại phiên tòa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Do bị cáo với người bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại tại phiên tòa nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại là 300.000 đồng.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, về hình phạt, về việc áp dụng pháp luật và trách nhiệm dân sự như đã nhận định như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

1. Phạt bị cáo Phạm Nhật T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 11/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại như sau:

Bị cáo Phạm Nhật T bồi thường cho người bị hại bà Lâm Thị N số tiền là 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo

quy định pháp luật. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định

